TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 01 - 2021

V/v: Ly hôn giữa chị M và anh T

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Xuân Tiến.

Ông Nguyễn Văn Hùng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng, Thư ký tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa*:** Ông Đặng Xuân Tự, kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc " ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1992; Địa chỉ: Xóm 3, xã A, huyện T, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

-Bị đơn: Anh M Anh T, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Xóm 3, xã A, huyện T, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T kết hôn tự nguyện, đăng ký tại trụ sở UBND xã A, huyện T, tỉnh Nam Định vào ngày 26/12/2012. Vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là cuộc sông chung không hòa hợp. Từ tháng 11/2017, chị và anh T đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ được, đề nghị xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh T không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ vụ án của Thẩm phán và hoạt động tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

+ Đề nghị xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh M Anh T.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị M và anh T .

[2]Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh M Văn T kết hôn, đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện T vào tháng 12/2012 là hôn nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được khoảng một thời gia ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị M và anh T chung sống không hòa hợp và chưa có con chung. Chị M và anh T đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, điều đó thể hiện tình cảm giữa chị M và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị M là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]Về con chung: Chị M và anh T không có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị M phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh M Anh T.

2.Về án phí : Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị M đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0000299 ngày 09 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Nam Định.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị M và anh M Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện, tỉnh: 02 bản;
- THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã A;
- Lưu HS: 01 bản;
- Lưu VP: 01 bản.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Thịnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thịnh

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh: 01 bản**;**
- VKSND huyện, tỉnh: 02 bản;
- THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã La Phù, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội;
- Lưu HS: 01 bản;
- Lưu VP: 01 bản.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thịnh